

Họ và tên:

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 4

Bộ sách: Kết nối tri thức

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Số “Tám trăm hai mươi ba nghìn không trăm mười bảy” được viết là:

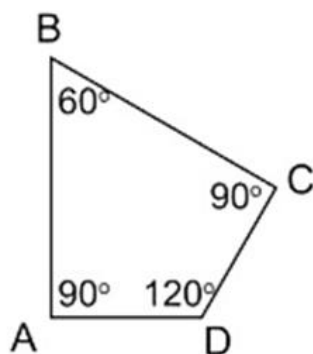
- A. 823 017 B. 832 017 C. 82 317 D. 823 170

Câu 2. Số chẵn lớn nhất có 6 chữ số là:

- A. 888 888 B. 100 000 C. 999 999 D. 999 998

Câu 3. Số 190 101 994 làm tròn đến hàng trăm nghìn là:

- A. 190 100 000 B. 190 000 000
C. 200 000 000 D. 190 200 000

Câu 4. Cho hình vẽ dưới đây:Góc có số đo 60° là:

- A. Góc đỉnh A; cạnh AB, AD B. Góc đỉnh B; cạnh BA, BC
C. Góc đỉnh C; cạnh CB, CD D. Góc đỉnh D; cạnh DC, DA

Câu 5. Năm 1903, người ta công bố phát minh ra máy bay. Hỏi máy bay được phát minh vào thế kỉ nào?

- A. XIX B. XX C. IXX D. XXI

Câu 6. Giá trị của biểu thức $(m + 5) \times 4$ với $m = 28$ là

- A. 100 B. 120 C. 123 D. 132

II. TỰ LUẬN**Câu 1:** Điền dấu $>$, $<$, $=$

54 421 312 54 521 312

955 cm^2 9 dm^2 50 cm^2

10 452 316 9 412 741

2 001 mm^2 20 cm^2 10 mm^2

7 849 121 7 849 121

3 200 cm^2 3 m^2 20 cm^2

Câu 2. Đặt tính rồi tính

$52\,475 + 24\,471$

$63\,178 - 11\,478$

$41\,255 \times 6$

$74\,121 : 3$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3: Một trại nuôi gà ngày đầu bán được 3 756 con gà, ngày thứ hai bán ít hơn ngày đầu 2 504 con gà, ngày thứ ba bán bằng tổng hai ngày đầu. Hỏi cả ba ngày bán được bao nhiêu con gà?

.....

.....

.....

.....

Câu 4: Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 15m và chiều rộng 8m. Tính chu vi và diện tích của mảnh đất đó.

.....

.....

.....

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số “*Tám trăm hai mươi ba nghìn không trăm mười bảy*” được viết là:

- A. 823 017 B. 832 017 C. 82 317 D. 823 170

Phương pháp

Dựa vào cách viết số tới ba chữ số theo từng lớp, lần lượt từ lớp nghìn đến lớp đơn vị

Lời giải

Số “*Tám trăm hai mươi ba nghìn không trăm mười bảy*” được viết là: 823 017

Đáp án: A

Câu 2. Số chẵn lớn nhất có 6 chữ số là:

- A. 888 888 B. 100 000 C. 999 999 D. 999 998

Phương pháp

Các số có chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 là số chẵn

Lời giải

Số chẵn lớn nhất có 6 chữ số là: 999 998

Đáp án: D

Câu 3. Số 190 101 994 làm tròn đến hàng trăm nghìn là:

- A. 190 100 000 B. 190 000 000
C. 200 000 000 D. 190 200 000

Phương pháp

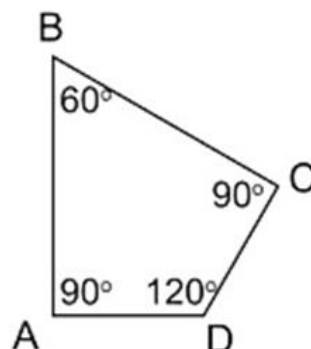
Khi làm tròn số đến hàng trăm nghìn, ta so sánh chữ số hàng chục nghìn với 5. Nếu chữ số hàng chục nghìn bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

Lời giải

Số 190 101 994 làm tròn đến hàng trăm nghìn là: 190 100 000

Đáp án: A

Câu 4. Cho hình vẽ dưới đây:



Góc có số đo 60° là:

A. Góc đỉnh A; cạnh AB, AD

B. Góc đỉnh B; cạnh BA, BC

C. Góc đỉnh C; cạnh CB, CD

D. Góc đỉnh D; cạnh DC, DA

Phương pháp

Quan sát hình vẽ để chọn đáp án thích hợp

Lời giảiGóc có số đo 60° là: Góc đỉnh B; cạnh BA, BC**Đáp án: B**

Câu 5. Năm 1903, người ta công bố phát minh ra máy bay. Hỏi máy bay được phát minh vào thế kỉ nào?

A. XIX

B. XX

C. IXX

D. XXI

Phương pháp

Từ năm 1901 đến năm 2000 là thế kỉ XX

Lời giải

Năm 1903, người ta công bố phát minh ra máy bay. Hỏi máy bay được phát minh vào thế kỉ XX

Đáp án: B

Câu 6. Giá trị của biểu thức $(m + 5) \times 4$ với $m = 28$ là

A. 100

B. 120

C. 123

D. 132

Phương pháp

Thay chữ bằng số rồi tính giá trị của biểu thức.

Lời giảiVới $m = 28$ thì $(m + 5) \times 4 = (28 + 5) \times 4 = 33 \times 4 = 132$ **Đáp án: D****II. TỰ LUẬN**

Câu 1: Điền dấu $>$, $<$, $=$

54 421 312 54 521 312

955 cm^2 9 dm^2 50 cm^2

10 452 316 9 412 741

2 001 mm^2 20 cm^2 10 mm^2

7 849 121 7 849 121

3 200 cm^2 3 m^2 20 cm^2 **Phương pháp**

- Nếu hai số có cùng số chữ số thì so sánh từng cặp chữ số ở cùng một hàng kể từ trái sang phải.

- Áp dụng cách đổi:

 $1\text{dm}^2 = 100\text{cm}^2$; $1\text{cm}^2 = 100\text{mm}^2$; $1\text{m}^2 = 10\,000\text{cm}^2$ **Lời giải**

54 421 312 < 54 521 312

955 cm^2 > 9 dm^2 50 cm^2

$$10\ 452\ 316 > 9\ 412\ 741$$

$$2\ 001\ \text{mm}^2 < 20\ \text{cm}^2\ 10\ \text{mm}^2$$

$$7\ 849\ 121 = 7\ 849\ 121$$

$$3\ 200\ \text{cm}^2 < 3\ \text{m}^2\ 20\ \text{cm}^2$$

Câu 2. Đặt tính rồi tính

$$52\ 475 + 24\ 471$$

$$63\ 178 - 11\ 478$$

$$41\ 255 \times 6$$

$$74\ 121 : 3$$

Phương pháp

- Đặt tính theo quy tắc đã học
- Nhân thừa số thứ hai với từng chữ số của thừa số thứ nhất lần lượt từ phải sang trái.
- Chia lần lượt từ trái sang phải.

Lời giải

$$\begin{array}{r} 52\ 475 \\ + 24\ 471 \\ \hline 76\ 946 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 63\ 178 \\ - 11\ 478 \\ \hline 51\ 700 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 41\ 255 \\ \times 6 \\ \hline 247\ 530 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 74\ 121 \quad | \quad 3 \\ \hline 14 \quad | \quad 24707 \\ 21 \quad | \\ 02 \quad | \\ 21 \quad | \\ 0 \quad | \end{array}$$

Câu 3: Một trại nuôi gà ngày đầu bán được 3 756 con gà, ngày thứ hai bán ít hơn ngày đầu 2 504 con gà, ngày thứ ba bán bằng tổng hai ngày đầu. Hỏi cả ba ngày bán được bao nhiêu con gà?

Phương pháp

- Tìm số gà ngày thứ hai bán được
- Tìm số gà ngày thứ ba bán được
- Tìm số gà cả 3 ngày bán được

Lời giải

Ngày thứ hai bán được số con gà là:

$$3\ 756 - 2\ 504 = 1\ 252 \text{ (con)}$$

Ngày thứ ba bán được số con gà là:

$$3\ 756 + 1\ 252 = 5\ 008 \text{ (con)}$$

Cả ba ngày bán được số con là:

$$3\ 756 + 1\ 252 + 5\ 008 = 10\ 016 \text{ (con)}$$

Đáp số: 10 016 con gà

Câu 4: Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 15m và chiều rộng 8m. Tính chu vi và diện tích của mảnh đất đó.

Phương pháp

Chu vi mảnh đất = (chiều dài + chiều rộng) x 2

Diện tích = chiều dài x chiều rộng

Lời giải

Chu vi mảnh đất hình chữ nhật là:

$$(15 + 8) \times 2 = 46 \text{ (m)}$$

Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là:

$$15 \times 8 = 120 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 120 m²